

TAND HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI
Số: 111/2017/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

S, ngày 31 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, giữa:

- **Nguyên đơn:** chị Cao Thị Kiều O, sinh năm 1995.

Địa chỉ: xóm C, thôn T, N, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** anh Trịnh Minh L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xóm T, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: xóm C, thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chị Phạm Thị B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: xóm T, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Kiều O và anh Trịnh Minh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị Cao Thị Kiều O và anh Trịnh Minh L thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** giao cháu Trịnh Khánh B, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2013 cho chị Oanh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Luân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) được tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu Bằng đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Và khi cần thiết một trong hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung:** giữa vợ chồng chị Cao Thị Kiều O và anh Trịnh Minh L với chị Nguyễn Thị L và chị Phạm Thị B thống nhất như sau:

Chị Phạm Thị B có nghĩa vụ trả lại cho anh Trịnh Minh L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) giữ gìn.

Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại cho Trịnh Minh L 13.240.000 đồng (Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tài sản giữ gìn (hai bên đã giao nhận song) và trả lại cho chị Cao Thị Kiều O 33.240.000 đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) giữ gìn.

- **Về án phí:**

+ **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) chị O tự nguyện nộp sung công quỹ nhà nước.

Chị Oanh có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự chia tài sản chung là 831.000 đồng (*tám trăm ba mươi một nghìn đồng*). Tổng cộng chị O phải nộp án phí là 981.000 đồng (*chín trăm tám mươi một nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.131.000 đồng (*một triệu, một trăm ba mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2014/0002247 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S; chị Oanh được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ **Án phí cấp dưỡng nuôi con:** 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) anh Trịnh Minh L có nghĩa vụ nộp sung công quỹ nhà nước.

Anh Trịnh Minh L có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự chia tài sản chung 831.000 đồng (*tám trăm ba mươi một nghìn đồng*). Tổng cộng anh Luân phải nộp án phí là 981.000 đồng (*chín trăm tám mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Đình Chung